

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-PT

Ngày 17 - 3 - 2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhật – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2025/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 2 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp D, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên lạc: Phường V, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp D, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Do có kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn D do quen biết và tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 12 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh D không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống hôn nhân mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh D đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Minh K (giới tính: nam), sinh ngày 27/8/2018 và Lê Minh T (giới tính: nam), sinh ngày 27/4/2021. Hiện các con đang sống cùng với gia đình anh D; khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung là Lê Minh T, chị đồng ý giao con chung là Lê Minh K cho anh D nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim Q về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng; trong thời gian anh bị bệnh, anh phát hiện chị Q thường hay nhắn tin cho người đàn ông khác nên vợ chồng thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hiện anh và chị Q đã không còn chung sống với nhau khi chị Q bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Q.

Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả 02 con chung là Lê Minh K và Lê Minh T do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cuộc sống của 02 con đã ổn định, anh đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên để con cho cha mẹ ruột anh chăm sóc, anh cũng thường xuyên về thăm nom, nuôi dạy các con. Vì vậy, anh yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Lê Minh T (giới tính: nam), sinh ngày 27/4/2021 cho chị Nguyễn Thị Kim Q được quyền nuôi dưỡng. Giao con chung là trẻ Lê Minh K (giới tính: nam), sinh ngày 27/8/2018 cho anh Lê Văn D được quyền nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Lê Văn D chưa ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Lê Văn D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, bị đơn anh Lê Văn D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm không đồng ý giao con chung Lê Minh T (Giới tính nam), sinh ngày 27/4/2021 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn và tranh chấp quyền nuôi con chung. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý giao con chung là cháu Lê Minh T cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn D. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân

sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận giao hai cháu Lê Minh T và Lê Minh K cho bị đơn được quyền trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim Q khởi kiện bị đơn anh Lê Văn D yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn D có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Hậu Giang, Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Lê Văn D có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung tên Lê Minh K (giới tính nam) sinh ngày 27/8/2018, cháu Lê Minh T (giới tính nam) sinh ngày 27/4/2021. Hiện nay, hai con chung đang được bị đơn anh Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét thấy đến thời điểm này cháu Lê Minh T đã trên 03 tuổi, cháu Lê Minh K đã trên 06 tuổi đã được sống ổn định bên gia đình nội kể từ khi nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q và bị đơn anh Lê Văn D ly thân (tháng 12/2023). Tại thời điểm ly thân cháu Lê Minh T mới hơn hai tuổi, lứa tuổi rất cần được mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng nguyên đơn ra đi về nhà mẹ ruột để sinh sống không mang theo cháu Lê Minh T. Đến nay cháu Lê Minh T đã thật sự gắn bó với gia đình nội và gắn bó với anh trai là cháu Lê Minh K. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q thừa nhận chị chưa tạo lập được chỗ ở mới, chị đang sống nhờ nhà mẹ ruột có anh trai và chị dâu

và các cháu tại C, Tiền Giang. Nếu chị Q được Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Minh T, chị sẽ gửi cho mẹ ruột của chị chăm sóc để đi làm. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Lê Minh T là quyền và nghĩa vụ chính đáng của nguyên đơn, nhưng Hội đồng xét xử đã phân tích điều kiện tốt nhất để có chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hay không, là xem xét về điều kiện tốt nhất cho cháu Lê Minh T. Nhu cầu về ổn định cuộc sống cho các con chung của nguyên đơn bị đơn là rất cần thiết, nếu giao cháu Lê Minh T cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sẽ dẫn đến xáo trộn cuộc sống của các cháu Lê Minh T và Lê Minh K, sẽ ảnh hưởng tâm lý của các cháu.

Mặt khác, hiện nay bị đơn anh Lê Văn D đã có mức lương ổn định để có thể nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn tiếp tục giao cho bị đơn được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền nuôi con chung với bị đơn.

Tòa án giải thích quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho các đương sự trong vụ án được rõ về quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn:

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tại biên bản hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm áp dụng hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao, thì các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định là 150.000 đồng. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q tự nguyện chịu phần án phí nên khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai số 0010135 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ thành tiền án phí sơ thẩm, chị Q được nhận lại 150.000 đồng phần tiền tạm ứng còn dư.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q, bị đơn anh Lê Văn D không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 30, Điều 37, Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chận nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn D. Sửa Bản án sơ thẩm số 97/2024/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q và bị đơn anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung, cháu Lê Minh K (giới tính: nam), sinh ngày 27/8/2018 và cháu Lê Minh T (giới tính: nam), sinh ngày 27/4/2021 cho bị đơn anh Lê Văn D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Dành quyền cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Bị đơn anh Lê Văn D chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Lê Văn D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai số 0010135 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ thành tiền án phí, chị Q được nhận lại 150.000 đồng phần tiền tạm ứng còn dư.

- Về án phí phúc thẩm: Không ai phải chịu. H lại cho bị đơn anh Lê Văn D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010215 ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng

